

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyền

2. Ông Nguyễn Thái Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 773/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, **theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HN ngày 07 tháng 02 năm 2020**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Phương O, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 7, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 7, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chị O có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Phương O trình bày: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì bán để làm vốn cho anh T mở tiệm sửa xe và chi phí trong gia đình. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Lê Minh Tú, sinh ngày 07/3/2017, hiện anh chị đang nuôi. Tài sản chung và nợ chung không có.

Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng cách đây khoảng hơn một năm phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, hai bên không

tin tưởng với nhau, thu nhập hàng tháng của ai làm ra thì người đó giữ trong khi mọi chi phí gia đình và nuôi con đều do chị hết. Mỗi người có công việc riêng nhưng chồng chị không thông cảm mỗi khi đi làm theo ca thì anh T cho rằng chị đi chơi từ đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cuộc sống không hạnh phúc, chị bỏ về nhà mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân cách đây khoảng hơn bốn tháng, trong thời gian ly thân anh T chỉ nhắn tin không gặp nhau bàn bạc hàn gắn gia đình. Vợ chồng sống chung mà anh T không tôn trọng và tin tưởng chị, cứ cho rằng chị quan trọng tiền bạc vật chất thì không thể nào tiếp tục chung sống. Do đó chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:* Anh xác nhận lời trình bày của chị O là đúng. Riêng nguyên nhân mâu thuẫn là không đúng, trước khi chị O bỏ đi vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, chi phí trong gia đình và nuôi con anh là người trực tiếp lo hết, nếu anh không tin tưởng thì không cho vợ anh đi làm. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ anh chỉ sống vì tiền không quan trọng tình cảm và hạnh phúc gia đình. Chỉ cần anh cho vợ những tài sản có giá trị là vợ anh đồng ý về đoàn tụ tuy nhiên anh không thể đáp ứng được. Trong thời gian sống ly thân anh không đến đến gặp chị O để bàn bạc hàn gắn gia đình. Nay chị O yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ. Vì anh cảm thấy không có chuyện gì mâu thuẫn trầm trọng để dẫn đến ly hôn để ly hôn, anh rất còn thương vợ thương con và hiện tại con còn rất nhỏ nếu ly hôn thì con sẽ khổ và thiệt thòi so với những đứa trẻ khác.

Trường hợp ly hôn. Về con chung: Anh yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh làm nghề sửa xe, chăn nuôi và mua bán (xe, sào riêng), thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/ tháng đảm bảo cho việc nuôi con, hơn nữa anh có nhà riêng ở gần nhà cha mẹ và cha mẹ trông nom giúp mỗi khi anh vắng nhà.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O; giao con cho chị O trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, chị O không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị O và anh T chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị O yêu cầu ly hôn, do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không tin tưởng và tôn trọng chị, hơn nữa cho rằng chị quan trọng tiền bạc vật chất từ đó chị O bỏ về nhà mẹ ruột ở và anh chị sống ly thân được 05 tháng. Ngược lại anh T yêu cầu đoàn tụ. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không gặp chị O để bàn bạc hàn gắn gia đình mặc dù hàng ngày cả hai đều đến nhà đưa đón con, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, hơn nữa anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà anh vẫn vắng mặt chứng tỏ anh không thể hiện thiện chí đoàn tụ. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị O và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị O và anh T đều yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con tên Lê Minh Tú, sinh ngày 07/3/2017. Xét thấy, anh T đã đi làm ở nước ngoài, cháu Tú còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện tại chị O làm công nhân thu nhập bình quân mỗi tháng 9.000.000 đồng đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa cháu Tú là gái nhằm giúp cháu phát triển tốt về mặt tâm sinh lý, nên Hội đồng xét xử giao cháu Tú cho chị O được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị O không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị O và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị O phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Phương O với anh Lê Văn T. Chị O được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao cho chị O được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Lê Minh Tú, sinh ngày 07-3-2017. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị O và anh T không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0009859 ngày 10/12/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận chị O đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Bàu Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài